TOÀ ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THỊ XÃ GIÁ RAI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH BẠC LIÊU
Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18-05-2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIÁ RAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Yến Ngọc**
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông **Nguyễn Thành Nhạn**
2 / Ông **Trương Thành**
***- Thư ký phiên tòa*:** Ông **Lê Khắc Hải-** Thư ký Tòa án
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai-tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Phan Ngọc Tú**-Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2018/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 03 năm 2018 về việc tranh chấp "*hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXX - HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Trần Thị T sinh năm 1965
Địa chỉ: Khóm 4, phường HP, thị xã GR, tỉnh BL
* Bị đơn: Ông Danh D sinh năm 1962
Địa chỉ: Khóm 4, phường HP, thị xã GR, tỉnh BL
(Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại tòa bà Trần Thị T trình bày: Bà T xây dựng gia đình với ông Danh D vào năm 1990, không làm thủ tục kết hôn. Quá trình chung sống, bà T và ông D có với nhau 03 người con chung tên Danh Thị Phà L sinh năm 1991; Danh Thị Huỳnh N sinh năm 1994; Danh L1 sinh năm 1996. Nguyên nhân mâu thuẫn, ông bà thường xuyên cự cãi với nhau, ông không lo cho vợ con, khi ông D có tiền là tự tiêu xài cá nhân và ăn nhậu,

để bà T phải lao động vất vả kiếm tiền chăm lo cho các con và cả ông D, đã nhiều đề nghị ông góp tiền phụ bà lo cho gia đình thì ông chửi mắng và đe dọa đánh bà, nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt .

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Trần Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Danh D

- Về quan hệ con chung: 3 người con đã trưởng thành không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: có 2 căn nhà cấp 4 gắn liền với đất, tọa lạc tại Khóm 4, phường HP, thị xã GR, tỉnh BL. Bà T và ông D đã thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ông Danh D trình bày: ông và bà Trần Thị T chung sống với nhau vào năm 1990, không làm thủ tục kết hôn. Quá trình chung sống, bà T và ông D có với nhau 03 người con chung tên Danh Thị Phà L sinh năm 1991; Danh Thị Huỳnh N sinh năm 1994; Danh L1 sinh năm 1996. Theo ông D thì do bà T đi sớm về khuya khiến ông tức giận nên mới đi nhậu, tiền ông tạo ra thì ông có quyền chi xài.

- Về quan hệ vợ chồng: ông đồng ý ly hôn với bà Trần Thị T.

- Về quan hệ con chung: 3 người con đã trưởng thành không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: có 2 căn nhà cấp 4 gắn liền với đất, tọa lạc tại Khóm 4, phường HP, thị xã GR, tỉnh BL. Ông D thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng thời hạn chuẩn bị xét xử, gửi các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát, đương sự đầy đủ. Hội đồng xét xử (HĐXX) có đầy đủ thành viên và thư ký phiên tòa, từ khi thụ lý đến khi xét xử, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai về nội dung vụ án là áp dụng các Điều 14 luật hôn nhân gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử không công nhận bà Trần Thị T và ông Danh D có quan hệ vợ chồng, không đặt ra xem xét về con, tài sản và nợ chung do đương sự không yêu cầu.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Danh D chung sống với nhau vào năm 1990, trên tinh thần tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn và đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông bà xảy ra nhiều mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nguyên nhân chủ yếu là bà T và ông D không tin tưởng nhau, không tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẽ công việc trong gia đình, nhưng mâu thuẫn ngày thêm trần trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Tại phiên tòa ngày hôm nay, bà T tiếp tục xin ly hôn với ông D, ông D cũng đồng ý ly hôn với bà T .

Hội đồng xét xử xét thấy, về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị T và ông Danh D là hôn nhân không hợp pháp vì ông bà chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1992 không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nếu có yêu cầu về con và tài sản thì sẽ được giải quyết theo quy định tại Điều 15; 16 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị T và ông Danh D.

[2]Về quan hệ con chung: bà Trần Thị T và ông Danh D 03 người con chung tên Danh Thị Phà L sinh năm 1991; Danh Thị Huỳnh N sinh năm 1994; Danh L1 sinh năm 1996 đều đã trưởng thành, hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về quan hệ tài sản : Bà T và ông D có 2 căn nhà cấp 4 gắn liền với đất, tọa lạc tại Khóm 4, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. Bà Trần Thị T và ông Danh D thống nhất tự thỏa thuận không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về tài sản và nợ chung.

[4] về nợ chung: Bà Trần Thị T và ông Danh D đều thống nhất không có nợ ai và không ai nợ hai vợ chồng nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ nêu trên*;**

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 27; Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội .

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị T và ông Danh D.

2/ Về quan hệ con chung: Không đặt ra xem xét.

3/ Về quan hệ tài sản và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000đ, nhưng bà đã tạm ứng dự nộp 300.000đ, biên lai thu số 0010882 ngày 05/03/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai chuyển thu án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ.

TM- HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

LÊ YẾN NGỌC

Nơi nhận :
-Tòa án Tỉnh
-VKS cùng cấp
-Thi hành án
-Đương sự
-UBND xã, phường nơi đương sự cư trú
-Lưu hồ sơ

* Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Tú Chi sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp 19, xã Phong Thạnh, thị xã Giá Rai. Tỉnh Bạc Liêu

* Bị đơn: anh Tô Minh Trí (Chí) sinh năm 1985

Địa chỉ: ấp 19, xã Phong Thạnh, thị xã Giá Rai. Tỉnh Bạc Liêu

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại tòa chị Nguyễn Thị Tú Chi trình bày: chị có làm đám cưới với anh Tô Minh Trí vào năm 2013 trên tin thần tự nguyện, đến ngày 25 tháng 02 năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân (UBND) xã Phong Thạnh, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. Quá trình chung sống, chị Chi và anh Trí có với nhau 01 người con chung tên Tô Thành Đạt, sinh ngày 02/12/2014. Nguyên nhân mâu T ẫn, vợ chồng thường xuyên cự cải với nhau, anh Trí dùng nhiều lời lẽ thô tục nhằm xúc phạm, làm tổn thương đến danh dự của chị, bản thân anh Trí không lo làm ăn hay uống rượu, chị Chi nhận thấy tình cảm vợ chồng đã nhạt phai, không còn hạnh phúc, gia đình hai bên có

hàn gắn nhưng không đem lại kết quả, nên hai vợ chồng đã sống ly thân đến nay đã 3 tháng, thời gian sống ly thân không ai đến thăm ai.

- Về quan hệ hôn nhân: chị Chi yêu cầu ly hôn với anh Trí .

- Về quan hệ con chung: chị Chi yêu cầu được tiếp tục nuôi người con chung tên Tô Thành Đạt, sinh ngày 02/12/2014 vì hiện nay chị đang nuôi con, con còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ, chị không yêu cầu anh Trí cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản và nợ: không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

* Anh Tô Minh Trí trình bày: Anh thống nhất toàn bộ lời trình bày của chị Chi về thời gian chung sống và thời gian đăng ký kết hôn, về con chung, về tài sản chung.

- Về quan hệ vợ chồng: anh không đồng ý ly hôn với chị Chi.

- Về quan hệ con chung: anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị Chi cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản và nợ chung: không có nên anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng thời hạn chuẩn bị xét xử, gửi các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát, đương sự đầy đủ. Hội đồng xét xử (HĐXX) có đầy đủ thành viên và thư ký phiên tòa, từ khi thụ lý đến khi xét xử, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai về nội dung vụ án là căn cứ vào các điều 56,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

-Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Chi đối với anh Trí;

-Về con chung: Giao người con chung tên Tô Thành Đạt, sinh ngày 02/12/2014 cho chị Nguyễn Thị Tú Chi tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục, tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Tô Minh Trí do chị Chi không yêu cầu.

-Về tài sản và nợ chung: không có, không đặt ra xem xét giải quyết

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ vợ chồng: chị Nguyễn Thị Tú Chi và anh Tô Minh Trí (Chí) đều thống nhất về thời gian chung sống là năm 2013, trên tinh thần tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phong Thạnh, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc

Liêu, vì vậy theo quy định của pháp luật thì hôn nhân của chị Chi và anh Trí là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị thường xảy ra mâu T ẫn mặc dù đã được gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần nhưng mâu T ẫn ngày thêm trầm trọng. Trong cuộc sống vợ chồng, anh chị không yêu thương chăm sóc, tôn trọng nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị Chi và anh Trí đã ly thân đến nay đã 3 tháng, trong thời gian tạm xa nhau thì cả anh Trí và chị Chi đều không có thái độ hay hành động thiện chí đối với nhau thể thiện sự mong muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị Chi tiếp tục xin ly hôn với Trí, anh Trí không đồng ý ly hôn với chị Chi. Hội đồng xét xử (HĐXX) tình nghĩa vợ chồng phải dựa trên sự thương yêu, tôn trọng, chăm sóc nhau, cùng nhau chia sẽ công việc trong gia đình nhưng chị Chi và anh Trí không làm được điều đó, xét thấy mối quan hệ hôn nhân của chị Chi và anh Trí thật sự rạn nức, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt nên HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Tú Chi đối với anh Tô Minh Trí.

[2] Về quan hệ con chung và về cấp dưỡng nuôi con: chị Chi và anh Chí đều có nguyện vọng là được nuôi người con chung tên Tô Thành Đạt, sinh ngày 02/12/2014. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:*"Vợ, chồng thỏa T ận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa T ận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa T ận khác phù hợp với lợi ích của con".* Ngoài ra, chị Chi là người đang trực tiếp nuôi con, hội đồng xét thấy cháu Đạt từ khi sinh ra đến nay đều do chị Chi chăm sóc, tuổi cháu còn quá nhỏ, không thể rời xa sự chăm sóc, yêu thương của mẹ. Việc xa mẹ sẽ làm tổn thương tin thần của cháu, ảnh hưởng không tốt đến sự phát triên tâm lý của cháu Đạt nên hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Chi, giao cháu Tô Thành Đạt cho chị Nguyễn Thị Tú Chi tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Tô Minh Trí do chị Nguyễn Thị Tú Chi không yêu cầu.

[4] Về quan hệ tài sản và nợ: chị Chi và anh Trí thống nhất không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Chi phải chịu theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên ghi nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 56, 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội .

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Tú Chi đối với anh Tô Minh Trí (Chí).

2/ Về quan hệ con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Giao người con tên Tô Thành Đạt, sinh ngày 02/12/2014 cho chị Nguyễn Thị Tú Chi tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Tô Minh Trí (Chí).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3/ Về quan hệ tài sản và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình: chị Nguyễn Thị Tú Chi phải nộp 300.000đ nhưng chị Chi đã dự nộp 300.000đ, tại biên lai T số 0008808 ngày 11/7/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai được chuyển T án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ.

TM- HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
-Tòa án Tỉnh
-VKS cùng cấp
-Thi hành án
-Đương sự
-UBND xã Phong Thạnh
-Lưu hồ sơ